

DOCETAXEL + CISPLATIN (DC)**g phải tế bào nhỏ giai đoạn tiến triển tại chỗ và di căn**75 mg/m² IV +5 mg/m² IV, mỗi 3 tuần75 mg/m² IV +

n AUC 6 IV, mỗi 3 tuần

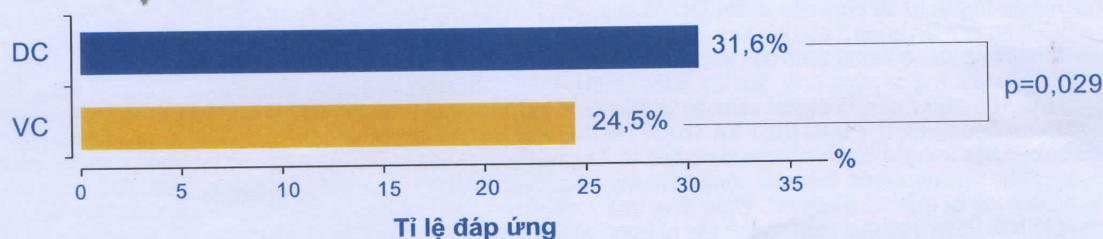
e 25 mg/m² IV d 1, 8, 15, 22 + Cisplatin

IV d 1, mỗi 4 tuần

So sánh nhóm có Docetaxel (DC) với nhóm có Vinorelbine (VC)

Mục tiêu chính: Thời gian sống thêm**Mục tiêu phụ:**

- Tỷ lệ đáp ứng chung
- Thời gian đến khi bệnh tái phát
- Độ an toàn
- Chất lượng sống (CLS)

Tăng tỷ lệ đáp ứng toàn bộ ⁽¹⁾**Lưu ý khi sử dụng thuốc ⁽³⁾**

➔ Có thể sử dụng G-CSF(*) để dự phòng sốt giảm bạch cầu

➔ Dexamethasone 16 mg/ngày được khuyến cáo sử dụng nhằm giảm thiểu tần suất và độ nặng của tình trạng ứ dịch và phản ứng quá mẫn(**)

Ngày trước khi truyền
Taxotere®Dexamethasone
8 mg x 2 lần/ ngàyNgày truyền
Taxotere®Dexamethasone
8 mg x 2 lần/ ngàyNgày sau khi truyền
Taxotere®Dexamethasone
8 mg x 2 lần/ ngày

(1) Frank Fossella et al., J Clin Oncology, Vol 21, No 16, 2003: pp 3016-3024
 (2) Chandra P. Belani and Frank Fossella, American Cancer Society 2005: 2766-2774

VC: Vinorelbine + Cisplatin
 DC: Docetaxel + Cisplatin

(3) Tóm tắt đặc tính thuốc Taxotere®

(*)G-CSF: Granulocyte-Colony Stimulating Factor

(**) Áp dụng cho tất cả các chỉ định của Taxotere®, trừ ung thư tiền liệt tuyến kháng nội tiết dự phòng với dexamethasone 8 mg/lần trước khi truyền Taxotere® 12 giờ, 3 giờ và 1 giờ.